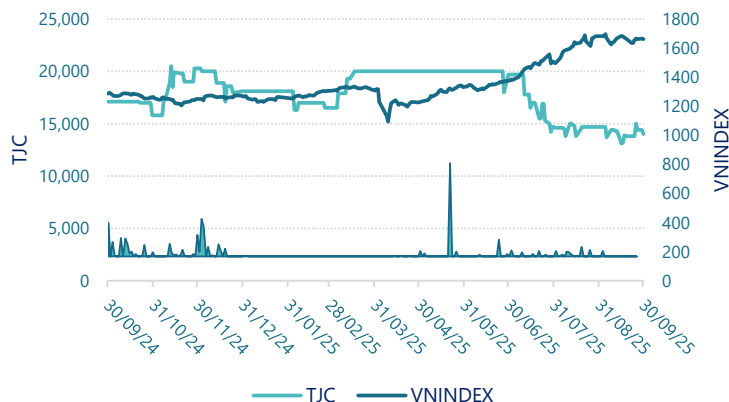




CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
SL cổ phiếu LH	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,005
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
P/E	33.4
EPS	419

DT thuần

Q3/25

1.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.02 | 2.5%

YoY: ▲ 0.11 | 12.6%

LN sau thuế

Q3/25

1.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.05 | 5.0%

YoY: ▲ 0.30 | 40.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

127%

+/- YoY: ▲ 24.7%

DT thuần

9T 2025

2.96

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.50 | 20.3%

LN sau thuế

9T 2025

2.93

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.45 | 97.9%

ROE

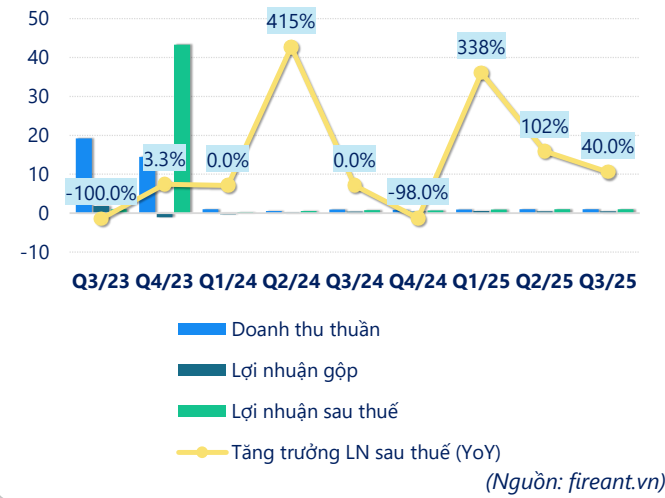
Q3/25

2.0%

+/- YoY: ▼ 26.5%

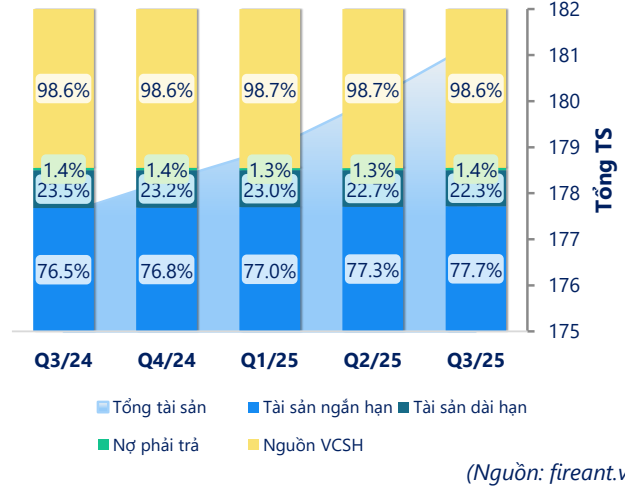
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

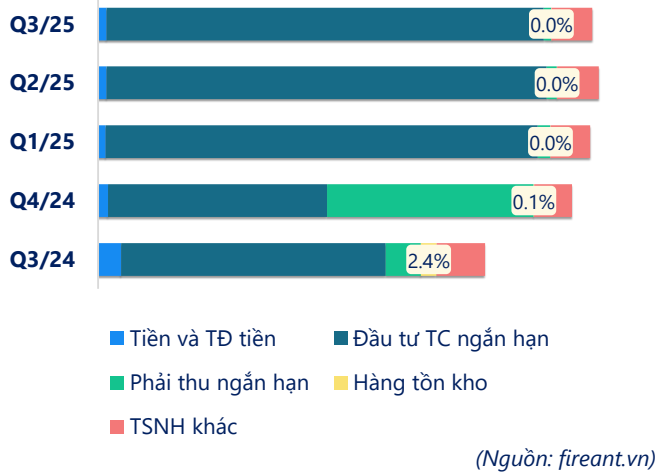


Cơ cấu Tổng tài sản

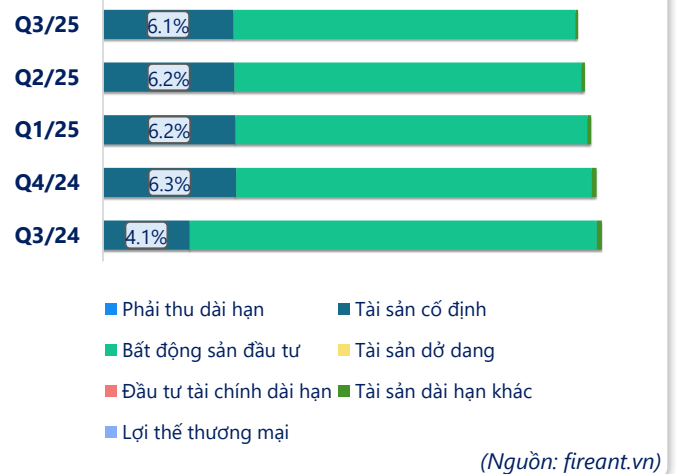
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

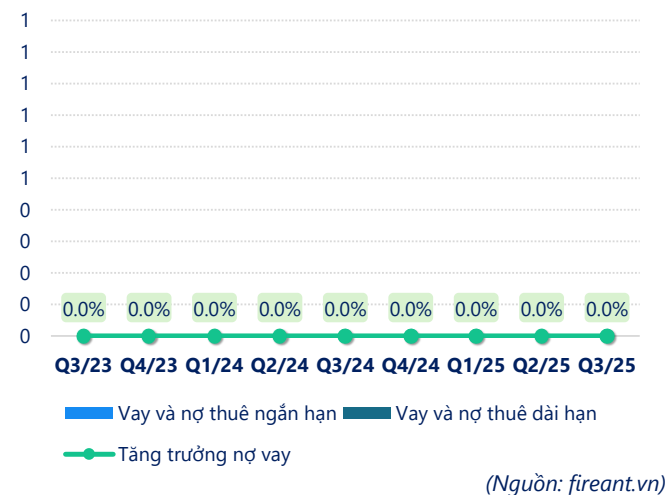


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



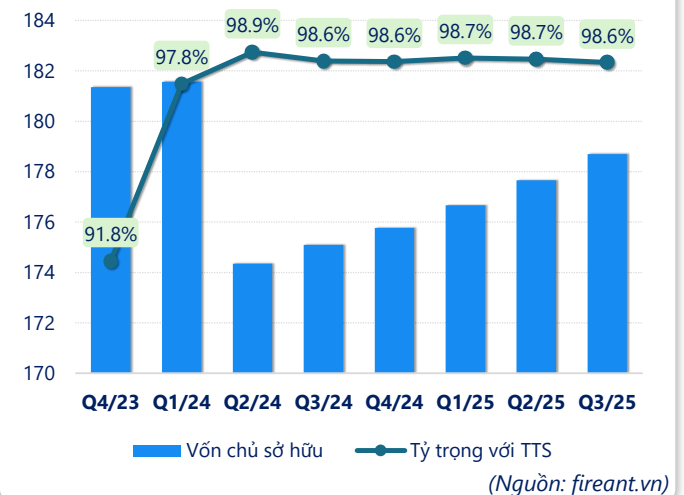
tỷ VNĐ

Nợ vay

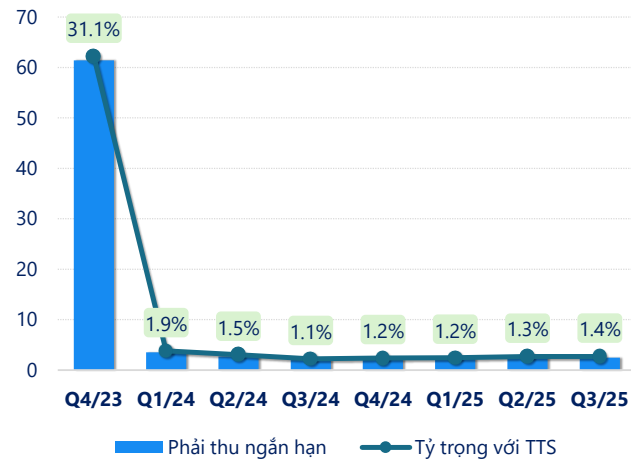


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

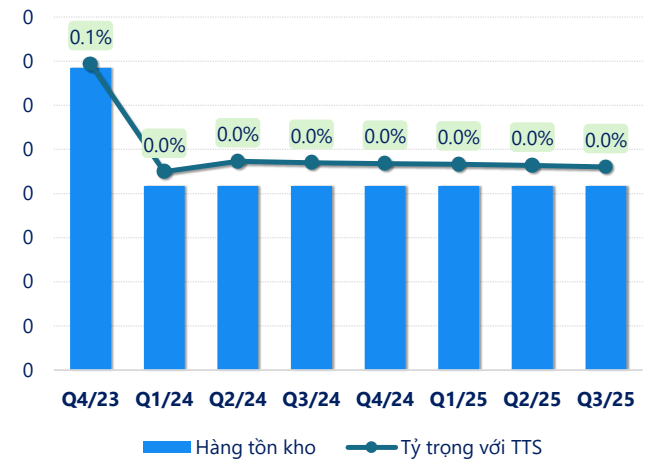


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


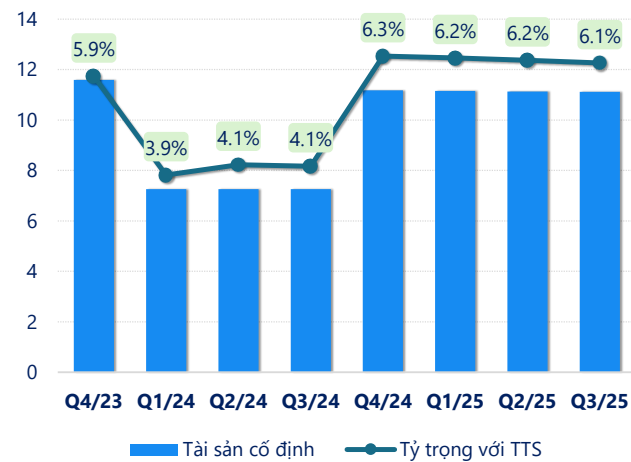
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


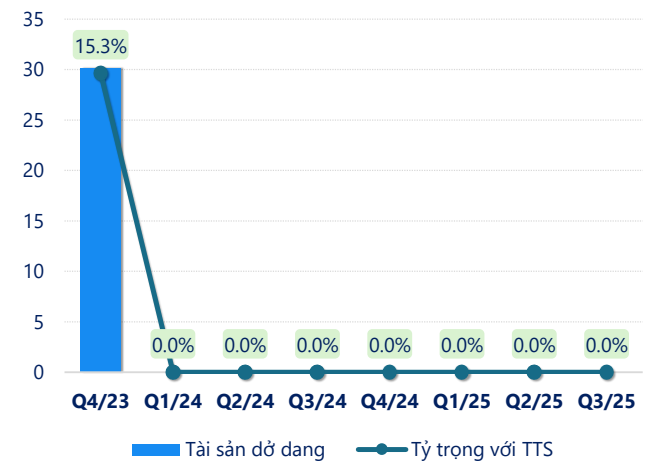
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

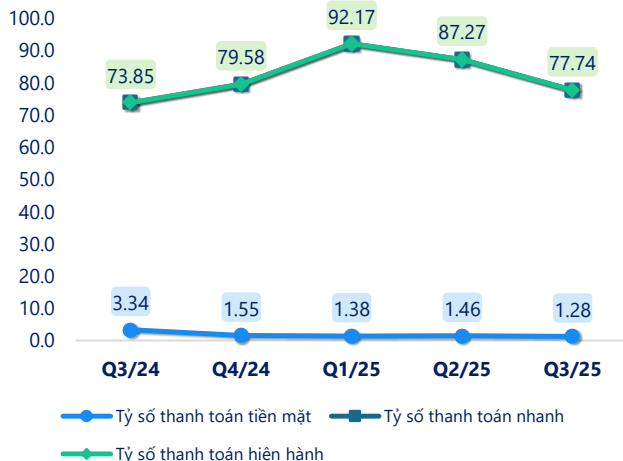
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

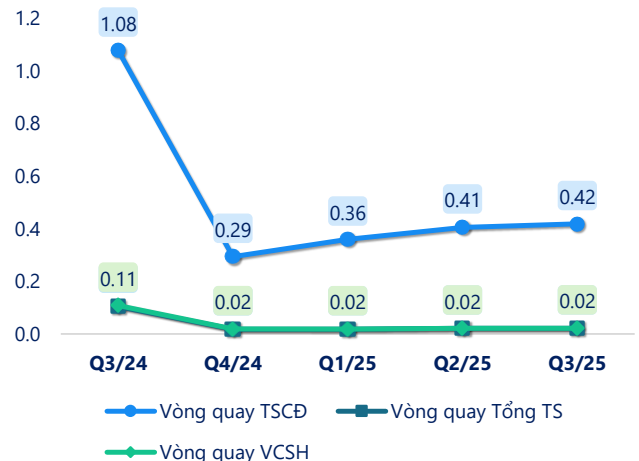
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	178	178	179	180	181
Tài sản ngắn hạn	136	137	138	139	141
Tiền và tương đương tiền	6.14	2.66	2.07	2.33	2.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	117	121	123	124	125
Phải thu ngắn hạn	1.99	2.16	2.22	2.41	2.45
Hàng tồn kho	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	10.8	10.7	10.6	10.5
Tài sản dài hạn	41.7	41.4	41.1	40.8	40.5
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7.26	11.2	11.2	11.1	11.1
Bất động sản đầu tư	34.0	29.8	29.6	29.4	29.1
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.43	0.39	0.34	0.29	0.24
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2.45	2.50	2.28	2.38	2.59
Nợ ngắn hạn	1.84	1.72	1.50	1.60	1.81
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.51	0.52	0.51	0.34	0.34
Nợ dài hạn	0.61	0.78	0.78	0.78	0.78
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	175	176	177	178	179
Vốn chủ sở hữu	175	176	177	178	179
Vốn điều lệ	86.0	86.0	86.0	86.0	86.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)